



Thực trạng không tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp - nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Loan

Lê Thị Tuyết Hoa

Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Việt Hồng Anh

Chi Cục thuế Bình Thạnh TP. HCM

Bài viết sử dụng kết hợp phương pháp thảo luận nhóm, thảo luận tay đôi và phương pháp thống kê, so sánh để nghiên cứu thực trạng không tuân thủ thuế của doanh nghiệp (DN) trong giai đoạn 2013- 2017 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). Các số liệu phản ánh sự không tuân thủ thuế thể hiện qua những vi phạm pháp luật thuế Việt Nam của DN, được tổng hợp qua các kỳ thanh tra, kiểm tra thuế của Cục Thuế TP.HCM và kinh nghiệm về quản lý thuế của cơ quan thuế (CQT). Qua đó, bài viết đề xuất một số giải pháp về công tác quản lý thuế của CQT; các khuyến nghị đối với Chính phủ về những quy định trong chính sách thuế cũng như đối với các cơ quan chức năng về nguồn nhân lực quản lý Nhà nước nhằm

The situation of corporate income tax non-compliance: the research in Ho Chi Minh City

Abstract: The paper used a combination of group discussions, private discussions and statistical and comparative methods to study the situation of non-tax compliance of enterprises during the period from 2013 to 2017. Tax non-compliance was researched as the tax fraud of enterprises, which were detected through tax inspections and tax examinations of the Tax Department of Ho Chi Minh City and tax administration experience from tax authorities. Thereby, the article has proposed: a number of solutions on tax administration of tax authorities; some recommendations for the Government on the provisions of the tax policy as well as to the human resources authorities to contribute to limit the situation of non-tax compliance of enterprises in the legal Vietnamese tax law's environment.

Keywords: the situation, tax non-compliance, corporate income tax

Loan Thi Nguyen

Email: loannt@buh.edu.vn

Banking University of Ho Chi Minh City

Anh Viet Hong Nguyen

Email: nvhanh.hcm@gdt.gov.vn

Sub-department of Taxation of Binh Thanh District, Ho Chi Minh City

Hoa Thi Tuyet Le

Email: hoaltt@buh.edu.vn

Banking University of Ho Chi Minh City

Ngày nhận: 27/09/2019

Ngày nhận bản sửa: 23/10/2019

Ngày duyệt đăng: 21/11/2019



hạn chế thực trạng không tuân thủ thuế của DN trong môi trường pháp luật thuế Việt Nam.

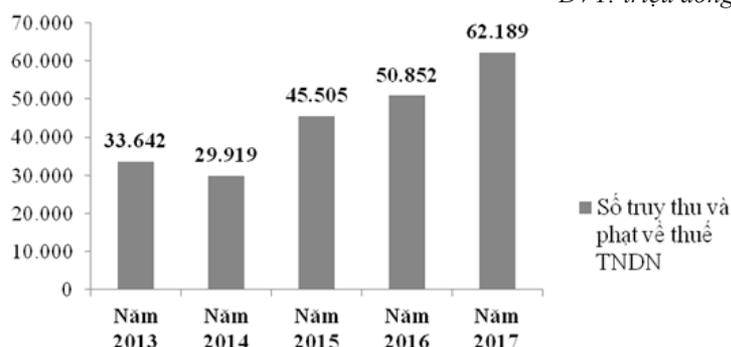
Từ khóa: Không tuân thủ thuế, Thuế thu nhập doanh nghiệp

3.3. Hạn chế trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp

Từ thực trạng những vi phạm pháp luật thuế của DN phản ánh qua quá trình nghiên cứu cho thấy trong thực tế vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định trong việc quản lý thuế của Nhà nước đối với DN hiện nay. Bảng 6 thống kê một số hạn chế trong quản

Hình 6. Số truy thu và phạt về thuế TNDN của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2013- 2017

DVT: triệu đồng



Nguồn: Báo cáo của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh

Bảng 5. Tổng hợp ý kiến về các nguyên nhân dẫn đến không tuân thủ thuế TNDN

Nội dung được thảo luận	Số chuyên gia đưa ra ý kiến	
	15 chuyên gia thuộc CQT	Đại diện của 20 DN
1- Nguyên nhân dẫn đến không tuân thủ thuế TNDN từ áp lực (động cơ dẫn đến vi phạm)		
Áp lực kê khai nộp thuế TNDN phải nộp càng thấp càng tốt	13	14
Áp lực về khả năng thanh toán phải làm giảm gánh nặng nộp thuế TNDN	12	15
Quá nhiều khoản chi phí không có chứng từ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh không đủ điều kiện tính thuế TNDN	15	19
DN kinh doanh phụ thuộc nhiều vào vốn vay ngày càng tạo áp lực thanh toán	12	13
2- Nguyên nhân dẫn đến không tuân thủ thuế TNDN từ cơ hội		
Việc kiểm soát các giao dịch thanh toán của Nhà nước không chặt chẽ dẫn đến bỏ sót các khoản kê khai doanh thu hoặc thu nhập của DN (tỷ lệ nợ phải thu cao do các giao dịch thanh toán bằng tiền mặt có thể chưa được ghi nhận)	14	15
DN hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh mà khách hàng không yêu cầu xuất hóa đơn (hàng tồn kho nhiều, không có thực)	14	13
DN hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh sở hữu nhiều TSCĐ vừa phục vụ hoạt động kinh doanh vừa có thể phục vụ tiêu dùng hàng ngày (lợi dụng chi phí khấu hao để tính thuế TNDN)	14	11
Quy mô DN càng nhỏ càng không được quản lý chặt chẽ về hệ thống kế toán, không có kiểm toán độc lập	13	16
3- Nguyên nhân dẫn đến không tuân thủ thuế TNDN từ thái độ		
Cảm nhận mức tiền phạt vi phạm hành chính về thuế so với số thuế phải nộp còn thấp	13	15

Nội dung được thảo luận	Số chuyên gia đưa ra ý kiến	
	15 chuyên gia thuộc CQT	Đại diện của 20 DN
Nhận thấy xác suất bị phát hiện không tuân thủ thuế không cao	12	13
Nhận thấy sự không công bằng trong các quy định về chính sách thuế	11	16
Cảm nhận chất lượng dịch vụ công còn thấp	10	0

Nguồn: Tổng hợp kết quả thảo luận nhóm với 15 chuyên gia từ CQT và thảo luận tay đôi với 20 DN

Bảng 6. Tổng hợp ý kiến về những hạn chế trong quản lý thuế đối với DN

Nội dung được thảo luận	Số chuyên gia từ CQT đưa ra nhận định
1 - Hạn chế từ công tác quản lý thuế của cơ quan thuế	
Hệ thống quản lý việc xuất và kê khai hóa đơn GTGT còn thủ công, chưa ứng dụng hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin	14
Hệ thống phân tích rủi ro trong kê khai thuế chưa được thực hiện thường xuyên để phát hiện sớm các vi phạm	12
Hệ thống tích hợp thông tin, dữ liệu của người nộp thuế về ngành nghề, về hoạt động kinh doanh chưa được cập nhật kịp thời	14
Quá trình xác minh trụ sở hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chưa được thực hiện kịp thời, thường xuyên	12
2 - Hạn chế từ những quy định trong chính sách thuế	
Quy định thanh toán qua ngân hàng chỉ áp dụng đối với các hóa đơn có tổng thanh toán từ 20 triệu đồng trở lên	13
Quy định không cần xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị thanh toán dưới 200.000 đồng	13
Không có quy định khống chế về việc sử dụng vốn vay trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	12
Đối với việc mua hàng hóa dịch vụ không có hóa đơn thì được phép lập bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ nhưng không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt	11
3 - Hạn chế từ nguồn nhân lực quản lý nền kinh tế	
Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế và các cơ quan chức năng trong việc xác minh các chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	13
Cán bộ thuế còn thiếu sót về năng lực, trình độ và thực trạng tham những vẫn còn tồn tại	7

Nguồn: Tổng hợp kết quả thảo luận nhóm với 15 chuyên gia từ CQT

lý thuế đối với DN đã được 15 chuyên gia từ CQT nêu ra.

Trên cơ sở phản ánh thực trạng các vi phạm về thuế TNDN và những thông tin thu thập được từ cuộc thảo luận nhóm, được trình bày ở Bảng 6, bài viết đúc kết một số hạn chế trong quản lý thuế đối với

DN như sau:

Hạn chế trong việc quản lý thuế của Cơ quan thuế

Thứ nhất, hành vi gian lận trong sử dụng hóa đơn làm thất thu thuế hiện đang rất phổ biến, chiếm tỷ lệ vi phạm cao (Bảng 3). Điều

này chứng tỏ hệ thống quản lý quá trình xuất và kê khai hóa đơn GTGT hiện nay chưa hiệu quả mặc dù Việt Nam đang từng bước ứng dụng công nghệ vào quy trình quản lý hóa đơn thông qua hình thức hóa đơn điện tử. Tuy nhiên, đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử vẫn còn hạn chế do không phải DN nào cũng có đủ điều kiện tiếp cận hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt ở những địa bàn vùng sâu, vùng xa. Đồng thời, do cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin tại Việt Nam hiện nay chưa tốt qua thực tế áp dụng kê khai thuế qua mạng thường xuyên xảy ra những trường hợp bị lỗi về nghẽn mạng, tốn thời gian, công sức để nộp tờ khai qua mạng (Anh Vũ 2017). Đây cũng là ý kiến được đưa ra trong cuộc thảo luận nhóm với CQT (tỷ lệ đồng tình 14/15)

Thứ hai, hệ thống tích hợp thông tin dữ liệu của người nộp thuế hiện nay của ngành thuế vẫn chưa được cập nhật đầy đủ, kịp thời. Điều này đã khiến cho quá trình nhận định thông tin về người nộp thuế không chính xác dẫn đến khá nhiều các vi phạm tập trung vào một số lĩnh vực ngành nghề đáng lưu ý.

Hạn chế trong những quy định pháp lý liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế TNDN

Thứ nhất, hạn chế trong quy định về kiểm soát thuế thông qua áp dụng giới hạn giá trị chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Quy định về việc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt chỉ áp dụng đối với các hóa đơn có tổng giá trị thanh toán từ 20.000.000 đồng trở lên được quy định tại Khoản 1, Điều 6, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 là một trong những yếu tố mà DN có thể tránh né bằng cách thanh toán tiền mặt với nhiều khoản có trị giá thấp hơn 20.000.000 đồng để không

phải giao dịch qua ngân hàng, nhằm hạn chế sự kiểm soát của các cơ quan liên quan. Điều này dẫn đến những vi phạm về thuế TNDN qua hành vi kê khai tăng chi phí được trừ của các DN hiện nay cũng rất phổ biến (Bảng 3). Hơn nữa, kết quả thảo luận nhóm của 15 chuyên gia từ CQT cho thấy ý kiến này nhận được sự đồng thuận khá cao (13/15).

Thứ hai, hạn chế trong quy định về trường hợp không cần xuất hóa đơn, quy định không cần xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị thanh toán dưới 200.000 đồng tại Khoản 1, Điều 16, Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 tạo tâm lý cho người bán không bắt buộc phải xuất hóa đơn khi bán hàng và người mua không bắt buộc phải lấy hóa đơn. Với nền kinh tế hiện nay tại Việt Nam còn sử dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt tương đối nhiều và tâm lý không cần phải lấy hóa đơn khi mua hàng hóa dịch vụ thì rủi ro cho việc gian lận sử dụng hóa đơn GTGT, hoặc kê khai thiếu doanh thu, thu nhập chịu thuế dẫn đến thất thu thuế TNDN là rất cao. Đây là điểm hạn chế nhận được tỷ lệ đồng tình là 13/15 từ các chuyên gia khi thảo luận.

Thứ ba, pháp luật thuế tại Việt Nam hiện nay không có quy định về việc sử dụng vốn vay trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, DN hoàn toàn có thể tận dụng khoản chi phí lãi vay làm lá chắn thuế. Đây là một trong những hạn chế về quy định pháp lý tạo cơ hội cho DN thực hiện các vi phạm về khai tăng chi phí để làm giảm nghĩa vụ thuế TNDN nhận được tỷ lệ đồng tình là 12/15 từ cuộc thảo luận.

Thứ tư, hạn chế từ chi phí mua hàng không có hóa đơn, đối với các khoản chi phí mua hàng không có hóa đơn mà được phép lập

bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm 2.4, Khoản 2, Điều 6, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 thì không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt sẽ tạo ra cơ hội lớn cho các DN hợp thức hóa các khoản chi không phục vụ SXKD với giá trị lớn làm giảm nghĩa vụ thuế TNDN. Điều này nhận được sự đồng ý là 11/15 của các chuyên gia từ CQT khi thảo luận nhóm.

Hạn chế xuất phát từ nguồn nhân lực tham gia quản lý thuế

Quá trình cập nhật thông tin của DN chưa kịp thời là kết quả của việc chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa CQT và các cơ quan chức năng khác trong nền kinh tế. Hiện nay các nội dung về hoạt động của DN chưa được hỗ trợ để khai thác một cách hiệu quả; việc yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin giữa CQT và các cơ quan chức năng khác hầu hết thực hiện bằng văn bản, còn thủ công ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế. Đây là một trong những hạn chế nhận được tỷ lệ đồng tình rất cao qua thảo luận của các chuyên gia ngành thuế là 13/15.

Theo quan điểm “sẵn sàng hợp tác” liên quan đến thái độ và nhận thức của cá nhân về hệ thống thuế (Strumpel, 1969 trong Devos, 2014), theo đó, DN có thái độ tuân thủ thuế tích cực hơn khi họ cảm nhận được sự công bằng từ hệ thống chính sách pháp luật và CQT quản lý. Tuy nhiên, luôn tồn tại một bộ phận cán bộ thuế còn yếu về năng lực, trình độ chuyên môn trong công tác quản lý thuế, tham nhũng và cấu kết với DN để trục lợi. Điều này làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của cơ quan quản lý Nhà nước cũng như thái độ tuân thủ thuế của DN. Ý kiến này nhận được 7/15 sự đồng tình của chuyên gia ngành thuế tham gia thảo luận.

1. Đề xuất giải pháp ngăn ngừa và hạn chế sự không tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp

Kết quả nghiên cứu của bài viết cho thấy, có 3 nhóm hành vi vi phạm không tuân thủ thuế TNDN bao gồm: (1) Nhóm hành vi liên quan đến doanh thu tính thuế TNDN; (2) Nhóm hành vi liên quan đến chi phí tính thuế TNDN; (3) Nhóm hành vi liên quan đến số lỗ năm trước chuyển sang. Nhóm tác giả cũng đúc kết được những hạn chế trong quản lý thuế đối với DN xuất phát từ việc quản lý thuế của CQT, những quy định pháp lý liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế TNDN và nguồn nhân lực của nền kinh tế. Từ đó, chúng tôi đề xuất một số giải pháp góp phần hạn chế sự không tuân thủ thuế TNDN như sau:

1.1. Giải pháp về quản lý thuế từ phía Cơ quan thuế

- CQT cần nỗ lực xây dựng hệ thống quản lý việc xuất và kê khai hóa đơn GTGT chặt chẽ và hiệu quả. Tại Việt Nam, trước hết cần phải có một cơ sở mạng lưới hệ thống kết nối Internet đủ mạnh khi ứng dụng việc quản lý hóa đơn trên nền tảng công nghệ thông tin mới được thông suốt. Ngoài ra, trên cổng thông tin điện tử của CQT phải thiết lập chương trình tra cứu doanh nghiệp bỏ trốn, những hoá đơn không, bất hợp pháp mà cơ quan thuế phát hiện nhằm thông tin rộng rãi đến người nộp thuế.

- CQT cần có kế hoạch định kỳ để thống kê, cập nhật tất cả các thông tin liên quan đến lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của DN để có bộ dữ liệu hoàn chỉnh giúp cho việc đánh giá mức độ tuân thủ thuế được hiệu quả.

1.2. Khuyến nghị biện pháp ngăn ngừa, hạn chế sự không tuân thủ thuế TNDN

Cơ quan quản lý cần rà soát chỉnh sửa, bổ sung quy định pháp luật thuế

- Điều chỉnh giảm mức thanh toán bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt quy định Khoản 1, Điều 6, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 xuống mức thấp hơn 20 triệu đồng nhằm thúc đẩy giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt giữa các DN với nhau, tạo điều kiện cho CQT kiểm soát các giao dịch thanh toán và góp phần chống gian lận trong việc khấu trừ, hoàn thuế. Tuy nhiên, để biện pháp này có hiệu quả cao hơn, cần có sự hỗ trợ về tuyên truyền cũng như mức phí từ hệ thống ngân hàng nhằm khuyến khích DN giao dịch các khoản thanh toán qua ngân hàng.

- Sửa đổi Điểm 1, Điều 16 Nghị định 51/2010/NĐ-CP theo hướng thắt chặt hơn, bắt buộc người bán khi bán hàng hóa dịch vụ đều phải xuất hóa đơn GTGT nhằm mục đích tạo thói quen dành cho người tiêu dùng nhận hoá đơn chứng từ khi mua hàng, đồng thời cũng làm cho doanh nghiệp cung cấp hàng hoá dịch vụ khó khăn hơn khi “cung cấp hoá đơn không” cho doanh nghiệp muốn thực hiện hành vi trốn thuế.

- Trong thực tế, quy định tỷ lệ tối đa sử dụng vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong Nghị định 20/2017/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai và có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết- căn cứ theo Khoản 1 Điều 2 Nghị định này. Do đó, phạm vi điều chỉnh của Nghị định 20/2017/NĐ-CP của Chính

phủ còn hạn chế ở các DN có giao dịch liên kết. Tuy nhiên, những DN chỉ có các giao dịch kinh tế độc lập cũng cần được quy định tỷ lệ sử dụng vốn vay trong quá trình SXKD để không chế việc đưa chi phí lãi vay làm giảm số thuế TNDN phải nộp. Nếu DN sử dụng vốn vay quá mức sẽ dẫn đến mất cân đối tài chính và ảnh hưởng đến hoạt động SXKD. Vì vậy, Việt Nam nên có những quy định trong pháp luật thuế TNDN liên quan đến việc sử dụng vốn vay cho hoạt động SXKD để áp dụng cho các DN nói chung. Trong đó, tỷ lệ sử dụng vốn vay phải được quy định cho phù hợp giữa nguồn vốn và sử dụng vốn của DN.

- CQT cần phải quy định bắt buộc DN có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với những khoản chi có giá trị lớn nhưng không có hóa đơn chứng từ được phép lập bảng kê theo quy định của chính sách thuế TNDN hiện hành tại Điểm 2.4, Khoản 2, Điều 6, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014. Bởi việc kiểm tra tính xác thực của những khoản chi này bằng tiền mặt đối với CQT không hề đơn giản và cần có thời gian cũng sự phối hợp của các cơ quan chức năng. Do vậy, chính sách thuế cần quy định điều kiện thanh toán qua ngân hàng đối với những khoản chi này để việc đối chiếu chứng từ cũng như xác minh khi cần thiết sẽ được thuận lợi và sự quản lý sẽ chặt chẽ hơn.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng và phát triển nguồn nhân lực của cơ quan quản lý thuế

Để thực hiện tốt các giải pháp trên, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa CQT và các cơ quan chức năng khác. Nhà nước cần có những chính sách quy định cụ thể, tạo điều kiện để CQT đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin với các

ngành có liên quan như hệ thống ngân hàng thương mại, cơ quan hải quan, cơ quan công an, cơ quan cấp phép đăng ký kinh doanh, quản lý thị trường... nhằm có sự kết hợp hiệu quả đối với việc phát hiện hành vi gian lận. Đặc biệt, việc liên kết chặt chẽ với cơ quan công an, hải quan, quản lý thị trường cũng như phối hợp tốt với hệ thống ngân hàng thương mại trong công tác xác minh các giao dịch thanh toán sẽ giúp rất nhiều trong việc phát hiện, xử lý và ngăn chặn hoạt động mua bán hóa đơn bất hợp pháp, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.

Bên cạnh đó, năng lực hoạt động và phẩm chất, đạo đức của công chức quản lý thuế cũng là một hạn chế trong công tác quản lý thuế, có tác động không nhỏ đến ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế. Để chống gian lận thuế, phải có một đội ngũ cán bộ thanh tra giỏi chuyên môn nghiệp vụ, được đào tạo kỹ năng bài bản và có kinh nghiệm trong các lĩnh vực, có năng lực. Đội ngũ thanh tra thuế càng sắc bén, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về chính sách chế độ, thành thạo về công tác quản lý, thì càng có khả năng giải quyết những vấn đề phức tạp phát sinh trong quá trình thanh tra thuế. Đồng thời, Chính phủ cũng như CQT cần có những biện pháp rắn đẽ mạnh mẽ mọi hành vi

tham nhũng trong cán bộ, công chức thuế. Trong môi trường làm việc mà công chức thuế mẫu mực, liêm chính, thủ tục công khai, rõ ràng thì ý thức tuân thủ của người nộp thuế sẽ được nâng lên, các hành vi gian lận sẽ khó có cơ hội thực hiện và ngược lại.

2. Kết luận

Trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay với cơ chế quản lý thuế tự khai tự nộp của Việt Nam thì số lượng các DN không tuân thủ các quy định của pháp luật thuế ngày càng nhiều. Bài viết nghiên cứu về thực trạng không tuân thủ thuế TNDN cho thấy có 3 nhóm vi phạm pháp luật thuế chủ yếu dẫn đến kê khai sai số thuế TNDN phải nộp cho Nhà nước. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến các vi phạm này được xác định bắt nguồn từ 3 yếu tố: áp lực, cơ hội và thái độ của DN dựa trên mô hình Tam giác gian lận của Cressey (1953). Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp và khuyến nghị góp phần hạn chế sự không tuân thủ thuế TNDN liên quan đến công tác quản lý của cơ quan thuế, những quy định về pháp luật thuế cũng như sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng và nguồn nhân lực của cơ quan quản lý thuế ■

Tài liệu tham khảo

1. Abdixhiku, L. 2013. *Determinants Of Business Tax Evasion In Transition Economies. Doctor Of Philosophy, Staffordshire University Business School.*
2. Alabede, J. O., Ariffin, Z. B. Z. & Idris, K. M. 2011. *Determinants Of Tax Compliance Behaviour: A Proposed Model For Nigeria. International Research Journal Of Finance And Economics, 121-136.*
3. Allingham, M. G. & Sandmo, A. 1972. *Income Tax Evasion: A Theoretical Analysis. Journal Of Public Economics, 1, 323-338.*
4. Awan, A. G. & Hannan, A. 2014. *The Determinants Of Tax Evasion In Pakistan – A Case Study Of Southern Punjab. International Journal Of Development And Economic Sustainability, 2, 50-69.*
5. Becker, G. S. 1968. *Crime And Punishment: An Economic Approach. Journal Of Political Economy, 76, 169-217.*
6. Bộ Tài Chính 2016. *Báo Cáo Quyết Toán NSNN*
7. Bùi Ngọc Toàn 2017. *Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của doanh nghiệp- Nghiên Cứu Thực Nghiệm Trên Địa Bàn Tp.Hcm. Tạp Chí Khoa Học - Đại Học Huế, 126, 77-88.*
8. Cressey, D. R. 1953. *Other People's Money: A Study Of The Social Psychology Of Embezzlement. New York, Ny, Us: Free Press.*

9. Devos, K. 2014. *Factors Influencing Individual Taxpayer Compliance Behaviour*, Springer ScienceBusiness Media Dordrecht.
10. Frank, M. M., Lynch, L. J. & Rego, S. O. 2004. *Does Aggressive Financial Reporting Accompany Aggressive Tax Reporting (And Vice Versa)? Working Paper, University Of Virginia.*
11. Frank, M. M., Lynch, L. J. & Rego, S. O. 2009. *Tax Reporting Aggressiveness And Its Relation To Aggressive Financial Reporting. Accounting Review*, 84.
12. Giz Sector Programme Public Finance 2010. *Addressing Tax Evasion And Tax Avoidance In Developing Countries. Deutsche Gesellschaft Fur Internationale Zusammenarbeit.*
13. James, S. & Alley, C. 2002. *Tax Compliance, Self-Assessment And Tax Administration. Journal Of Finance And Management In Public Services*, 2, 27-42.
14. Kien and Nga 2017. *2017 Budget Collection Task To Need New Thinking And New Human Resources. Viet Nam Taxation, The Magazine Of General Department Of Taxation*, 1, 6-7.
15. Kinsey, K. A. 1986. *Theories And Models Of Tax Cheating. Criminal Justice Abstracts*, 18.
16. Lewis, A. 1982. *The Social Psychology Of Taxation. British Journal Of Social Psychology*, 21, 151-158.
17. Lê Xuân Trường & Nguyễn Đình Chiến 2013. *Nhận diện các hành vi gian lận thuế. Tạp Chí Tài Chính.*
18. Lisowsky, P. 2010. *Seeking Shelter: Empirically Modeling Tax Shelters Using Financial Statement Information. The Accounting Review*, 85, 1693-1720.
19. Mills, L. F. 1996. *Corporate Tax Compliance And Financial Reporting. National Tax Journal*, 49, 421-435.
20. Nguyen Vu 2016. *Nine Month Domestic Revenue Obtains 75,2% Annual Plan, An Increase Of 12,2% Over The Same Period Last Year. Viet Nam Taxation, The Magazine Of General Department Of Taxation*, 10, 4-11
21. Nguyễn Minh Hà & Nguyễn Hoàng Quân 2012. *Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp tư nhân-xét khía cạnh nộp thuế đúng hạn. Tạp Chí Công Nghệ Ngân Hàng*, 80, 23-34.
22. Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang 2009. *Nghiên Cứu Thị Trường, Tp.HCM, NXB Lao Động.*
23. Nguyễn Đình Thọ 2011. *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, NXB Lao Động Xã Hội.*
24. Noor, R. M., Aziz, A. A. & Mastuki, N. A. 2012. *Tax Fraud Indicators. Malaysian Accounting Review*, 11, 43-57.
25. Noor, R. M., Jamaludin, N. E., Omar, N. & Aziz, R. A. 2013. *Measuring Tax Gap In The Service Industry. Finance And Economics Conference. Rydges Melbourne, Australia.*
26. *Organization For Economic Cooperation And Development 2004. Compliance Risk Management: Managing And Improving Tax Compliance. Centre For Tax Policy And Administration.*
27. Phan Hiền Minh, Nguyễn Ngọc Thanh & Châu Thành Nghĩa 2001. *Giáo trình thuế thực hành, Nhà Xuất Bản Thống Kê*
28. Sapiei, N. S., Kasipillai, J. & Eze, U. C. 2014. *Determinants Of Tax Compliance Behaviour Of Corporate Taxpayers In Malaysia. Ejournal Of Tax Research*, 12, 383-409.
29. Schmolders, G. 1959. *Fiscal Psychology: A New Branch Of Public Finance. National Tax Journal*, 12, 340-345.
30. Singh, V. 2003. *Tax Compliance And Ethical Decision-Making: A Malaysian Perspective. Pearson Malaysia Sdn. Bhd.*
31. Song, Y. & Yarbrough, T. E. 1978. *Tax Ethics And Taxpayer Attitudes: A Survey. Public Administration Review*, 38, 442-452.
32. Spicer, M. W. 1974. *A Behavioral Model Of Income Tax Evasion. Ph.D. Thesis.*
33. Tan, L. M. & Sawyer, A. J. 2003. *A Synopsis Of Taxpayer Compliance Studies: Overseas New Zealand. New Zealand Journal Of Taxation Law And Policy*, 9, 431-454.
34. *Tạp chí thuế 2018, '10 sự kiện công tác thuế 2017', truy cập tại <<http://tapchithue.com.vn/tin-tuc-su-kien/148-tieu-diem/12869-10-su-kien-cong-tac-thue-217.html>> [ngày truy cập: 09/8/2018]*
35. *Tổng Cục Thuế 2016. Báo cáo kết quả thanh tra kiểm tra năm 2016.*
36. *Tổng Cục Thuế 2017. Báo cáo thống kê số lượng doanh nghiệp đang hoạt động.*
37. *United States Government Accountability Office 2012. Sources Of Noncompliance And Strategies To Reduce It. Gao-12-651t Washington Dc, April 19, 2012.*
38. Vogel, J. 1974. *Taxation And Public Opinion In Sweden: An Interpretation Of Recent Survey Data. National Tax Journal*, 27, 499-513.
39. *Vũ Hữu Đức và cộng sự 2009. Sử dụng các tỷ số trên báo cáo tài chính để phát hiện sai lệch thuế. Tạp Chí Phát Triển Kinh Tế*, 56-61.
40. Yahyapour, Y., Boroujeni, A. G. & Kheradyar, S. 2015. *The Influence Of Factors On Corporate Tax Evasion: Evidence From The Firms Of Guilan Province. International Journal Of Review In Life Sciences*, 5, 567-574.
41. Yalama, G. O. & Gumus, E. 2013. *Determinants Of Tax Evasion Behavior: Empirical Evidence From Survey Data. International Business And Management*, 6, 15-23.
42. Yusof, N. A. M., Ling, L. M. & Wah, Y. B. 2014. *Tax Noncompliance Among Smcs In Malaysia: Tax Audit Evidence. Applied Accounting Research*, 15, 215-234.